

BỘ TƯ PHÁP

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1523/2005/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Quy chế Tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp ban hành”

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật,

định này “Quy chế Tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp ban hành”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYẾT ĐỊNH:

BỘ TRƯỞNG

Uông Chu Lưu

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết

09671345
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUY CHẾ****Tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật
do Bộ Tư pháp ban hành***(ban hành kèm theo Quyết định số 1523/2005/QĐ-BTP ngày 15
tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp trong việc giúp Bộ trưởng tự kiểm tra và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác do Bộ Tư pháp ban hành theo thẩm quyền hoặc liên tịch ban hành.

Điều 2. Các văn bản thuộc phạm vi tự kiểm tra

1. Các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp ban hành theo thẩm quyền hoặc liên tịch ban hành, bao gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành bằng hình thức quyết định, chỉ thị, thông tư;

b) Thông tư liên tịch giữa Bộ Tư pháp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án

nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Các văn bản của Bộ Tư pháp có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật hoặc do các đơn vị tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Tư pháp không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành khi có yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của cơ quan, tổ chức, các cơ quan thông tin đại chúng và của cá nhân, bao gồm:

a) Văn bản do Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Tư pháp ký có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng;

b) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có thể thức không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa quy phạm pháp luật (ví dụ: công văn, thông báo, quy chế, điều lệ, chương trình, kế

hoạch, hướng dẫn và các hình thức khác) do Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp ban hành (bao gồm cả văn bản có thể thức và nội dung như trên được ký thừa lệnh).

Điều 3. Mục đích tự kiểm tra văn bản

Công tác tự kiểm tra văn bản được tiến hành nhằm phát hiện những quy định trong các văn bản do Bộ Tư pháp ban hành có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, đồng thời xác định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc tham mưu, đề xuất, soạn thảo và ban hành các văn bản có nội dung trái pháp luật.

Điều 4. Phạm vi nội dung tự kiểm tra văn bản

Phạm vi nội dung tự kiểm tra văn bản của Bộ Tư pháp bao gồm:

1. Tính hợp pháp của văn bản theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 135/2003/NĐ-CP) và hướng dẫn tại điểm 2 Mục I của Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư số 01/2004/TT-BTP).

2. Sự phù hợp của văn bản với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước.

Điều 5. Nguyên tắc tự kiểm tra và xử lý văn bản

1. Công tác tự kiểm tra văn bản phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị được giao chịu trách nhiệm chính giúp Bộ trưởng tự kiểm tra văn bản với đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan.

3. Việc xử lý văn bản trái pháp luật được phát hiện trong quá trình tự kiểm tra phải khách quan, toàn diện, kịp thời, chính xác theo đúng quy định của pháp luật; khắc phục kịp thời hậu quả do văn bản trái pháp luật gây ra.

Điều 6. Trách nhiệm tự kiểm tra văn bản

1. Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Cục Kiểm tra văn bản) chịu trách nhiệm chính giúp Bộ trưởng tự kiểm tra các văn bản quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

2. Các đơn vị khác thuộc Bộ có trách nhiệm:

- a) Tổ chức tự kiểm tra các văn bản do mình chủ trì soạn thảo và phối hợp với

Cục Kiểm tra văn bản theo quy định tại Quy chế này nhằm bảo đảm cho việc tự kiểm tra văn bản được tiến hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật;

b) Thường xuyên tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp ban hành thuộc phạm vi lĩnh vực đơn vị được giao phụ trách, kịp thời phát hiện các nội dung không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

3. Khi phát hiện văn bản do Bộ ban hành có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước, các đơn vị, cán bộ, công chức thuộc Bộ có trách nhiệm phản ánh kịp thời với Bộ trưởng, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản, Thủ trưởng đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản để kiểm tra, xử lý.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỰ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN

Điều 7. Gửi và tiếp nhận văn bản để kiểm tra

1. Đối với các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này, khi làm thủ tục phát hành, Văn phòng Bộ có

trách nhiệm gửi Cục Kiểm tra văn bản 01 bản để tự kiểm tra.

Đơn vị chủ trì soạn thảo phải ghi rõ tên "Cục Kiểm tra văn bản" trong mục "Nơi nhận" của văn bản, trừ trường hợp văn bản được gửi cho tất cả các đơn vị thuộc Bộ.

Đối với văn bản liên tịch không do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo và phát hành nhưng là một bên ký ban hành, thì khi nhận được văn bản, Văn phòng Bộ có trách nhiệm sao gửi Cục Kiểm tra văn bản 01 bản để tự kiểm tra.

2. Khi nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản về văn bản do Bộ Tư pháp ban hành có dấu hiệu trái pháp luật hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của cơ quan, tổ chức, các cơ quan thông tin đại chúng và cá nhân về văn bản của Bộ Tư pháp có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật hoặc do các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Tư pháp không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy chế này, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ và các đơn vị khác thuộc Bộ có trách nhiệm thông báo và chuyển các tài liệu có liên quan cho Cục Kiểm tra văn bản để tự kiểm tra.

3. Khi nhận được văn bản, tài liệu, Cục Kiểm tra văn bản có trách nhiệm ghi vào "Sổ theo dõi kiểm tra văn bản quy phạm

pháp luật”, đồng thời có báo cáo bằng văn bản về thông báo, yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại đối với văn bản nói tại khoản 2 Điều này gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản và Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra.

Để phục vụ cho mục đích tự kiểm tra văn bản, Cục Kiểm tra văn bản có quyền yêu cầu Văn phòng Bộ cung cấp bản sao văn bản cụ thể do Bộ Tư pháp ban hành mà khi phát hành không được gửi cho Cục Kiểm tra văn bản.

Điều 8. Tổ chức kiểm tra của Cục Kiểm tra văn bản đối với văn bản quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế này

1. Đối với các văn bản do Cục Kiểm tra văn bản tiếp nhận để kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế này, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản phân công nhóm chuyên viên, trong đó có chuyên viên chịu trách nhiệm chính thực hiện việc kiểm tra văn bản. Tùy theo tính chất, nội dung của văn bản và yêu cầu kiểm tra, cộng tác viên của Cục Kiểm tra văn bản có thể được phân công thực hiện kiểm tra văn bản.

2. Nhóm chuyên viên được phân công có trách nhiệm nghiên cứu, kiểm tra toàn bộ văn bản, đối chiếu nội dung văn bản được kiểm tra với cơ sở pháp lý quy định tại Điều 7 của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP và hướng dẫn tại điểm 3 Mục I của Thông tư số 01/2004/TT-BTP để xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp pháp của văn bản được kiểm tra.

Đối với văn bản liên tịch mà Bộ Tư pháp tham gia ký, phạm vi kiểm tra tập trung vào các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, đồng thời có sự phối hợp với đơn vị thuộc Bộ đã chủ trì hoặc tham gia soạn thảo văn bản, tổ chức pháp chế hoặc các đơn vị hữu quan khác của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội đã ký văn bản để kiểm tra toàn bộ nội dung văn bản.

3. Trong trường hợp cần thiết, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản có quyền yêu cầu Thủ trưởng đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản được kiểm tra cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến văn bản hoặc giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung văn bản.

4. Sau khi nghiên cứu, kiểm tra, chuyên viên chịu trách nhiệm chính thay mặt nhóm chuyên viên báo cáo tóm tắt bằng văn bản với Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản về quá trình thực hiện kiểm tra, những nội dung đã được kiểm tra và ý kiến kết luận của nhóm về văn bản được kiểm tra. Báo cáo cũng phải nêu rõ những ý kiến chưa thống nhất (nếu có) và quan điểm của chuyên viên chịu trách nhiệm chính về vấn đề đó.

Trong trường hợp nhóm chuyên viên thống nhất kết luận văn bản có nội dung trái pháp luật thì chuyên viên chịu trách nhiệm chính lập “Phiếu kiểm tra văn bản” và “Hồ sơ về văn bản có nội dung

trái pháp luật” trình Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản thay cho báo cáo tóm tắt nêu trên. Nội dung phiếu và hồ sơ được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 4 và điểm 5 Mục III của Thông tư số 01/2004/TT-BTP.

5. Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản xem xét, phê duyệt kết quả kiểm tra của nhóm chuyên viên. Trong trường hợp cần thiết, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản tổ chức thảo luận trong đơn vị hoặc với các đơn vị có liên quan trước khi phê duyệt kết quả kiểm tra.

Điều 9. Tổ chức phối hợp kiểm tra đối với văn bản có nội dung trái pháp luật

1. Sau khi phê duyệt “Phiếu kiểm tra văn bản” đối với văn bản có nội dung trái pháp luật được sơ bộ kết luận theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản thông báo cho Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ đã chủ trì soạn thảo văn bản đó để tổ chức tự kiểm tra.

2. Đối với văn bản có dấu hiệu trái pháp luật có thông báo của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản yêu cầu tự kiểm tra hoặc có yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại được chuyển, gửi đến Cục Kiểm tra văn bản để kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản thông báo cho Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ đã chủ trì soạn thảo văn bản đó để tổ chức tự kiểm tra, đồng thời phân công nhóm chuyên viên của Cục (hoặc cộng

tác viên) thực hiện việc kiểm tra theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

3. Thủ trưởng đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra văn bản. Trong quá trình tự kiểm tra, đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm phối hợp với Cục Kiểm tra văn bản để làm rõ các nội dung có dấu hiệu trái pháp luật của văn bản, biện pháp xử lý và chuẩn bị văn bản xử lý. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản và Cục Kiểm tra văn bản có hình thức thích hợp lấy ý kiến tham gia của các đơn vị khác có liên quan thuộc Bộ, các tổ chức pháp chế Bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác về các vấn đề nêu trên.

4. Trong trường hợp Cục Kiểm tra văn bản và đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản thống nhất ý kiến về nội dung trái pháp luật của văn bản, thống nhất biện pháp xử lý là đình chỉ, hủy bỏ hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản thì Cục Kiểm tra văn bản dự thảo quyết định xử lý. Nếu biện pháp được đề xuất là sửa đổi một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản thì đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản phải dự thảo ngay văn bản sửa đổi hoặc thay thế. Đối với vấn đề có nội dung phức tạp, cần có thêm thời gian nghiên cứu để dự thảo văn bản sửa đổi thì đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản phải có báo cáo riêng nêu rõ lý do và xác định thời hạn trình văn bản. Trong trường hợp đó, dự thảo quyết

định xử lý phải quy định rõ việc đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản có nội dung trái pháp luật.

Trong trường hợp Cục Kiểm tra văn bản và đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản không thống nhất ý kiến thì đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản phải có văn bản trình bày rõ quan điểm của mình gửi Cục Kiểm tra văn bản.

Điều 10. Tổ chức phối hợp kiểm tra đối với văn bản liên tịch mà Bộ Tư pháp tham gia ký có nội dung trái pháp luật

1. Trong trường hợp nội dung có dấu hiệu trái pháp luật của văn bản liên tịch thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, thì việc tổ chức kiểm tra đối với văn bản đó được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Quy chế này, đồng thời có sự phối hợp với tổ chức pháp chế hoặc các đơn vị hữu quan khác của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội đã ký văn bản.

Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản có trách nhiệm đề nghị Thứ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản ký công văn lấy ý kiến chính thức của lãnh đạo các cơ quan, tổ chức tham gia ký văn bản về kết quả kiểm tra và dự kiến biện pháp xử lý trước khi báo cáo Bộ trưởng theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

2. Trong trường hợp nội dung có dấu hiệu trái pháp luật của văn bản liên tịch thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các

cơ quan khác hoặc tổ chức tham gia ký văn bản, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, tổ chức đó biết để tự kiểm tra, xử lý, đồng thời phối hợp với tổ chức pháp chế hoặc các đơn vị hữu quan khác của các cơ quan, tổ chức đó và đơn vị thuộc Bộ đã tham gia soạn thảo văn bản đó trong quá trình kiểm tra, xử lý.

Điều 11. Báo cáo Thứ trưởng phụ trách kết quả kiểm tra văn bản có nội dung trái pháp luật

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ đã chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra về kết quả tự kiểm tra của đơn vị và ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản về nội dung trái pháp luật của văn bản, biện pháp xử lý.

Sau khi có ý kiến của Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ đã chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm thông báo ý kiến đó cho Cục Kiểm tra văn bản.

2. Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Thứ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản về kết quả kiểm tra văn bản có nội dung trái pháp luật, dự kiến biện pháp xử lý. Báo cáo phải nêu rõ ý kiến của đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản, ý kiến của Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

3. Trong trường hợp lĩnh vực công tác có văn bản được kiểm tra do Bộ trưởng trực tiếp phụ trách hoặc do Thứ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản đồng thời phụ trách thì Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ đã chủ trì soạn thảo văn bản không báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này mà cùng với Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản đồng báo cáo Thứ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản.

Điều 12. Báo cáo Bộ trưởng kết quả kiểm tra văn bản có nội dung trái pháp luật

Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản báo cáo Bộ trưởng bằng văn bản về kết quả kiểm tra kèm theo hồ sơ văn bản có nội dung trái pháp luật. Báo cáo phải nêu rõ tên văn bản được kiểm tra; cơ sở pháp lý để kiểm tra; quá trình tổ chức kiểm tra; nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra; ý kiến của Cục Kiểm tra văn bản, đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan về kết quả kiểm tra, xử lý văn bản.

Trong trường hợp các đơn vị thống nhất ý kiến về kết quả kiểm tra, biện pháp xử lý thì báo cáo phải kèm theo dự thảo quyết định xử lý và dự thảo văn bản sửa đổi (nếu có) theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Quy chế này. Trong trường hợp giữa các đơn vị còn có vấn đề chưa thống nhất ý kiến thì báo cáo phải nêu rõ quan điểm của Cục Kiểm tra văn bản, ý kiến của đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản và các đơn vị khác có liên quan,

đồng thời đề xuất hướng tiếp tục giải quyết kèm theo các văn bản, tài liệu có liên quan.

Báo cáo kết quả kiểm tra trình Bộ trưởng phải có ý kiến của Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra và Thứ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 13. Xem xét, quyết định xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật

1. Trên cơ sở báo cáo và hồ sơ văn bản có nội dung trái pháp luật quy định tại Điều 12 của Quy chế này, Bộ trưởng xem xét, quyết định việc xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng yêu cầu Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản, Thủ trưởng đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản, các đơn vị khác có liên quan báo cáo trực tiếp và trao đổi ý kiến với các Thứ trưởng trước khi quyết định.

2. Việc xử lý văn bản liên tịch có nội dung trái pháp luật mà Bộ Tư pháp tham gia ký được tiến hành trên cơ sở thống nhất ý kiến với các cơ quan, tổ chức đã ký văn bản đó.

Điều 14. Quy trình kiểm tra, xử lý rút gọn trong trường hợp văn bản có nội dung trái pháp luật rõ ràng

Đối với văn bản do Cục Kiểm tra văn bản tiếp nhận để kiểm tra theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Quy chế này mà Cục trưởng Cục Kiểm tra văn

bản thấy có nội dung trái pháp luật rõ ràng (trong trường hợp văn bản liên tịch mà Bộ Tư pháp tham gia ký thì nội dung trái pháp luật rõ ràng đó thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp) và cần phải được đình chỉ thi hành ngay để ngăn chặn kịp thời và khắc phục hậu quả do việc thi hành văn bản đó gây ra, việc kiểm tra và xử lý văn bản được thực hiện theo quy trình rút gọn sau đây:

1. Cục Kiểm tra văn bản thông báo và tổ chức ngay cuộc họp với đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản đó để trao đổi, thảo luận về nội dung trái pháp luật của văn bản, sự cần thiết đình chỉ thi hành văn bản và biện pháp xử lý. Nếu văn bản có nội dung trái pháp luật là văn bản liên tịch mà Bộ Tư pháp tham gia ký thì cuộc họp phải có sự tham dự của đại diện tổ chức pháp chế hoặc đơn vị hữu quan của các cơ quan, tổ chức đã ký văn bản;

2. Trên cơ sở ý kiến kết luận tại cuộc họp, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản báo cáo nhanh Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra và Thứ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản để xin ý kiến trước khi báo cáo Bộ trưởng. Báo cáo cần nêu rõ nội dung trái pháp luật của văn bản, cơ sở pháp lý để xác định, ý kiến của đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản, ý kiến của các đơn vị có liên quan, ý kiến đề xuất của Cục Kiểm tra văn bản về việc cần thiết đình chỉ thi hành văn bản và biện pháp xử lý;

3. Bộ trưởng quyết định việc xử lý văn bản trên cơ sở báo cáo của Cục Kiểm tra

văn bản. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng trao đổi ý kiến với các Thứ trưởng trước khi quyết định.

Trong trường hợp Bộ trưởng thấy rằng cần có thêm thời gian để Cục Kiểm tra văn bản và các đơn vị xem xét, báo cáo bổ sung trước khi quyết định xử lý, thì Bộ trưởng xem xét, quyết định việc đình chỉ thi hành văn bản đó.

Việc xử lý văn bản liên tịch có nội dung trái pháp luật rõ ràng mà Bộ Tư pháp tham gia ký được tiến hành trên cơ sở thống nhất ý kiến với các cơ quan, tổ chức đã ký văn bản đó.

Điều 15. Thời hạn kiểm tra, xử lý đối với văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản

Thời hạn kiểm tra, xử lý đối với văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản chậm nhất không quá hai mươi hai (22) ngày làm việc, kể từ ngày Bộ Tư pháp nhận được thông báo về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật đến ngày gửi văn bản thông báo kết quả kiểm tra, xử lý cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản, bao gồm các thời hạn cụ thể sau đây:

1. Chậm nhất không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản, Văn phòng Bộ thông báo và chuyển các tài liệu có liên quan

cho Cục Kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế này;

2. Chậm nhất không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo và các tài liệu có liên quan, đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản hoàn thành việc tự kiểm tra và phối hợp kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 9 của Quy chế này để báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra;

3. Chậm nhất không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo và các tài liệu có liên quan, Cục Kiểm tra văn bản hoàn thành việc tự kiểm tra và phối hợp kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 9 của Quy chế này. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra, Cục Kiểm tra văn bản có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ để báo cáo Thứ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản;

4. Chậm nhất không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra và Thứ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản xem xét và có ý kiến theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này;

5. Chậm nhất không quá bốn (04)

ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản, Bộ trưởng xem xét và quyết định việc xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

Điều 16. Thông báo kết quả xử lý văn bản

1. Việc thông báo kết quả xử lý văn bản trái pháp luật được thực hiện như sau:

a) Kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật phải được gửi đăng Công báo;

b) Đối với văn bản quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy chế này, kết quả xử lý phải được gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản có nội dung trái pháp luật đã được gửi. Nếu văn bản đó đã được đăng trên Công báo thì kết quả xử lý cũng phải được gửi đăng Công báo;

c) Trong trường hợp văn bản được kiểm tra và xử lý theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản thì kết quả xử lý văn bản còn đồng thời được gửi cho cơ quan đó;

d) Văn phòng Bộ có trách nhiệm gửi đăng Công báo, thông báo kết quả xử lý theo quy định tại khoản này, đồng thời thông báo công khai kết quả xử lý tại cuộc họp gần nhất của lãnh đạo Bộ, giao ban Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ.

2. Đối với văn bản được kiểm tra theo

thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản mà kết quả kiểm tra cho thấy văn bản được ban hành đúng pháp luật thì sau khi báo cáo và được Bộ trưởng đồng ý, Cục Kiểm tra văn bản phối hợp với đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản đó chuẩn bị văn bản thông báo kết quả kiểm tra trình Thủ trưởng phụ trách công tác kiểm tra văn bản ký để gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản.

Điều 17. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, cá nhân tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ, cán bộ, công chức đã tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP.

2. Căn cứ vào nội dung trái pháp luật và mức độ thiệt hại thực tế do văn bản trái pháp luật gây ra, Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản đề xuất biện pháp khắc phục hậu quả, đồng thời phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ kiến nghị Bộ trưởng xem xét, xử lý đối với Thủ trưởng đơn vị, cán bộ, công chức đã tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định hình thức, mức độ xử lý đối với Thủ trưởng đơn vị, cán bộ, công chức đã tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Kiểm tra văn bản do Cục Kiểm tra văn bản soạn thảo

Đối với văn bản do Cục Kiểm tra văn bản chủ trì soạn thảo, Vụ Pháp luật Hình sự, hành chính chủ trì phối hợp với Cục Kiểm tra văn bản tổ chức việc tự kiểm tra theo trình tự, thủ tục được quy định tại các điều 8, 9, 10, 11, 12 hoặc Điều 14 của Quy chế này.

Điều 19. Kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước

Việc kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP và hướng dẫn tại điểm 9 Mục III của Thông tư số 01/2004/TT-BTP.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các nội dung không còn phù hợp trong các văn bản do Bộ Tư pháp ban hành

1. Đối với văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp ban hành hoặc liên tịch ban hành có nội dung không còn phù hợp do tình hình kinh tế - xã hội thay đổi hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới, đơn vị được giao phụ trách lĩnh vực có văn bản đó có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất với Bộ trưởng kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản hoặc nội dung của văn bản không còn phù hợp.

2. Thủ tục, trình tự soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ

văn bản hoặc nội dung của văn bản không còn phù hợp được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều kiện bảo đảm phục vụ công tác tự kiểm tra

Kinh phí bảo đảm cho công tác tự kiểm tra do ngân sách nhà nước cấp, được dự toán chung trong kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Cục Kiểm tra văn bản.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Cục Kiểm tra văn bản giúp Bộ trưởng tổ chức thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, Cục Kiểm tra văn bản kịp

thời báo cáo, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 23. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các đơn vị, cán bộ công chức thuộc Bộ Tư pháp, cộng tác viên kiểm tra văn bản có thành tích trong công tác tự kiểm tra, xử lý văn bản do Bộ Tư pháp ban hành được khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản và quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

BỘ TRƯỞNG

Uông Chu Lưu

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng